TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 25 - 11 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Công

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Biền

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Bà Mai Thị Bích Huyên- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLSPT- HNGĐ ngày 10/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" do bản án sơ thẩm số: 59/2024/HNGĐ-ST ngày 02/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 29/10/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992;

- Bị đơn: Anh Trương Đức C, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Người kháng cáo: Anh Trương Đức C

Tại phiên tòa: Chị H vắng mặt, anh C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Trương Đức C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống giữa chị và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2018-2019. Chị H xác định không còn tình cảm với anh C. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Có ba con chung là Trương Thị T, sinh 01/11/2011, Trương Thị H1, sinh 26/7/2014 và Trương Khải P, sinh 29/7/2016. Hiện Tại cháu T đang ở với chị H, cháu H1 và phong đang ở với anh C. Vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi cháu T và giao anh C nuôi cháu H1, P. Chị H cấp dưỡng nuôi cháu P cùng anh C 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án huyện Ý giải quyết.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, bị đơn - anh Trương Đức C Trình bày: Anh và chị Trần Thị H, tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống giữa anh và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, anh C cũng xác định lỗi một phần do anh không quan tâm, chia sẻ lắng nghe và thiếu tôn trọng chị H, chị H bỏ anh đi từ ngày 21/02/2024, anh đã tìm gọi nhưng chị H trốn tránh không gặp. Anh C xác định còn tình cảm với chị H, không muốn con cái phải khổ. Nay chị H làm xin ly hôn tại Tòa án huyện Ý tỉnh Nam Định, anh C không đồng ý .

Về con chung: Có ba con chung là Trương Thị T, sinh 01/11/2011, Trương Thị H1, sinh 26/7/2014 và Trương Khải P, sinh 29/7/2016. Hiện Tại cháu T đang ở với chị H, cháu H1 và phong đang ở với anh C. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi cả ba con chung. Nhưng còn tùy nguyện vọng của các cháu xin ở với ai anh cũng nhất trí và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án huyện Ý giải quyết.

Từ nội dung vụ án như trên, bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST ngày 02/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trương Đức C.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Thị T, sinh 01/11/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao anh Trương Đức C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Thị H1, sinh 26/7/2014 và Trương Khải P, sinh 29/7/2016. Chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Trần Thị H phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0003610, ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 12/8/2024 anh C kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân xử cho chị H và anh ly hôn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Anh C xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ vì từ khi chị H bỏ đi hai người không có liên lạc gì với nhau nữa. Anh đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh không rút kháng cáo mà đề nghị Toà án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của đương sự được bảo đảm.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trương Đức C được làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[3] Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự.

[4] Về nội dung: Anh C và chị Hoa đăng K kết hôn với nhau năm 2011. Chị H khai là từ năm 2018-2019 thì vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Anh C cũng thừa nhận là từ năm 2020, vợ chồng làm ăn thua lỗ nên phải thuê nhà ở từ đó vợ chồng có những bất đồng nhỏ do anh thiếu sự quan tâm, chia sẻ và lắng nghe, thiếu tôn trọng đến những cố gắng nỗ lực của chị H. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, chị Trần Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì xác định không thể đoàn tụ cùng anh C. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị H cố tình lẩn tránh không đến Toà án. Anh C mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nhưng không có biện pháp, việc làm cụ thể để níu kéo tình cảm vợ chồng. Thực tế chị H đã bỏ đi từ ngày 21/02/2024 (âm lịch), anh C đã nhiều lần tìm nhưng không liên lạc được nên hai người ly thân từ đó đến nay. Tại phiên toà phúc thẩm anh C cũng xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và đồng ý ly hôn. Như vậy, chị H, anh C đã có những vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh C ly hôn là có căn cứ. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh C.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Trương Đức C phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về lệ phí, án phí Toà án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trương Đức C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 59/2024/HNGĐ-ST ngày 02/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trương Đức C phải nộp 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003674

ngày 12/8/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Anh C đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thành Công

Nơi nhận:
- TAND huyện Ý Yên
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Ý Yên;
- UBND xã Yên Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.